

HỘI THẢO

**ĐÀM PHÁN HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM - EU
CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC NÀO CHO VIỆT NAM?**

WORKSHOP

**EU - VIETNAM FREE TRADE AGREEMENT NEGOTIATIONS
OPPORTUNITIES AND CHALLENGES FOR VIETNAM**

Hà Nội, ngày 2 tháng 3 năm 2011





Khái quát các Hiệp định TM tự do đã ký của EU: Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Prof. Claudio Dordi, Federico Lupo Pasini
EU – Vietnam MUTRAP III

GS. Claudio Dordi, Federico Lupo Pasini
Chuyên gia Dự án MUTRAP III EU – Việt Nam



Summary

Nội dung trình bày

1. The present situation EU-VN trade relations
 2. The experience from past EU-FTA: lessons for Vietnam
 3. The potential tariff advantages for Vietnam
 4. What does the EU expect from an FTA with Vietnam?
 5. The content of the future FTA
 6. Recommendations
1. Quan hệ Thương mại EU – Việt Nam
 2. Kinh nghiệm từ các FTA đã ký kết với EU: Bài học cho Việt Nam
 3. Những lợi thế về thuế quan cho Việt Nam
 4. EU mong đợi gì từ FTA với Việt Nam?
 5. Nội dung dự thảo của Hiệp định
 6. Một số khuyến nghị



The present situation: Vietnamese Exports to the EU

Thực tế tình hình xuất khẩu hàng hóa của VN sang EU

- Vietnam is an **export-driven economy**, with 69% of GDP exported in 2008 (64% in 2009 and 61% in 2005)
- **16%** of the GDP value is exported to the EU, for a value of 14.9 bn. USD (14% in 2009 for 12.6 bn.)
- Vietnam exports to the EU around 17% of all its exports (constant from 2005).
- Việt Nam là nước có nền **kinh tế định hướng xuất khẩu** với giá trị xuất khẩu năm 2008 chiếm 69% tổng sản phẩm quốc nội (GDP), năm 2009 chiếm 64% và năm 2005 là 61%)
- Năm 2008: kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU là 14.9 tỷ USD, chiếm 16% GDP (Năm 2009: 12.6 tỷ USD -14% GDP)
- Việt Nam xuất khẩu sang EU: khoảng 17% tổng xuất khẩu (liên tục từ 2005)



The present situation: Vietnamese Exports Thực tế tình hình xuất khẩu hàng hóa của VN

Importers/Thị trường XK	2008
'World/Thế giới	62.69
'United States of America/Mỹ	11.90
EU	10.90
ASEAN	10.34
'Japan/Nhật Bản	8.47
'China/Trung Quốc	4.85
'Australia/Úc	4.35
'Republic of Korea/Hàn Quốc	1.79
'Cambodia/Campuchia	1.53
'Chinese Taipei/Đài Loan	1.40
'Hong Kong, China/HongKong	0.88



The present situation: Vietnamese Exports

Thực tế tình hình xuất khẩu hàng hóa của VN

- The first five Vietnamese products exported to the EU are:
 - footwear – 4.5 bn.
 - apparel and clothing 2.3 bn.
 - coffee 1.4 bn.
 - seafood – 1.1 bn.
 - furniture - 1 bn.
- Those products represent the 70% of total Vietnamese exports to EU in 2008 (68% in 2009)
- Exports to the EU are exposed to **industry shocks** as showed by the decrease of 15% of the export to EU in 2009 (-20% footwear, -26% coffee, -20% furniture while apparel and clothing limited the decrease to 10%).
- Top 5 sản phẩm Việt Nam dẫn đầu kim ngạch xuất khẩu sang EU:
 - Giày dép – 4.5 tỷ
 - Dệt may – 2.3 tỷ
 - Cà phê – 1.4 tỷ
 - Thủy sản – 1.1 tỷ
 - Đồ nội thất – 1 tỷ
- Các sản phẩm trên chiếm 70% kim ngạch xuất khẩu hàng hóa Việt Nam vào EU năm 2008 (68% năm 2009)
- Xuất khẩu sang EU phải chịu một số cú sốc đối với một số ngành khi giảm 15% giá trị xuất khẩu vào EU năm 2009 (trong đó: giày dép: -20%, cà phê: -26%, đồ nội thất: -20% và giảm ít nhất là dệt may: -10%)



The present situation: EU Tariffs on Vietnam Exports

Mức thuế suất EU hiện đang áp dụng với hàng XK của VN

- In 2009 the simple average **tariffs** applied by the EU on Vietnamese exports are around 4.1% (decreased from 4.5% in 2005).
 - Weighted average tariff (tariff weighted with the level of trade) amounts to 7%
 - There are still higher than average tariffs on relevant products exported from Vietnam
 - apparel and clothing: 11.7%
 - seafood: 10.8%
 - footwear: 12.4%
 - Occasionally there are very high tariff peaks (more than 57%).
 - The elimination of tariffs expected on substantially all the trade with the FTA will provide important advantages for Vietnam in comparison to other competitors in the EU markets.
- Năm 2009 mức thuế suất bình quân EU áp dụng với các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam khoảng 4.1% (giảm so với mức thuế 4.5% của năm 2005).
 - Mức thuế suất bình quân gia quyền (với trọng số là mức độ thương mại) là 7%
 - Áp thuế suất cao hơn mức trung bình đối với một số hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam
 - Dệt may: 11.7%
 - Thủy sản: 10.8%
 - Giày dép: 12.4%
 - Một số mức thuế cao nhất (hơn 57%).
 - Việc miễn giảm thuế quan đối với hầu hết các sản phẩm (thông qua FTA) sẽ mang đến lợi thế quan trọng cho Việt Nam khi so sánh với các đối thủ cạnh tranh khác tại thị trường EU.



The present situation: Vietnam Imports from the EU

Hiện trạng nhập khẩu từ EU vào Việt Nam

- The EU is the 5th major import partner for Vietnam (6th if we consider ASEAN aggregate)
- EU là đối tác nhập khẩu lớn thứ 5 của Việt Nam (thứ 6 nếu xét ASEAN là một thành viên thống nhất)

	2005	2006	2007	2008
Import/Nhập khẩu	2.60	3.14	5.14	5.58

- In 2009 the EU's share of Vietnam import is 7.8% (4.127 Mil Euro). EU is the largest non-Asian importing partner for Vietnam
- Năm 2009, hàng nhập khẩu từ EU chiếm 7.8% thị phần tại Việt Nam (4.127 triệu Euro). EU là đối tác nhập khẩu lớn nhất ngoài châu Á của VN



The present situation: Imports to Vietnam (2008)

Hiện trạng nhập khẩu vào Việt Nam (2008)

Exporters/Nơi xuất khẩu	2008
'World/Thế giới	80.71
ASEAN	19.57
'China/Trung Quốc	15.97
'Chinese Taipei/Đài Loan	8.36
'Japan/Nhật Bản	8.24
'Republic of Korea/Hàn Quốc	7.26
EU 27 (27 nước thành viên)	5.58
'United States of America/Hoa Kỳ	2.65
'Hong Kong, China/HongKong	2.63
'India/Ấn Độ	2.09
'Switzerland/Thụy Sĩ	1.90



The present situation: Vietnam Tariffs on EU exports

Mức thuế quan VN hiện đang áp dụng với hàng NK từ EU

- Vietnam applied substantially reductions after WTO accession and now the simple average tariff is 9.3% (from 13.7% in 2005);
- The tariffs applied to the most exported products from the EU into Vietnam are quite low.
 - mechanical: 3.4%
 - pharmaceuticals: 2%
 - Iron: 2%
 - optical and medical apparatus: 1.3%
 - aircraft: 0%
- But there are some exceptions:
 - automotive: 24.2%
 - electronics: 8.9%
- In all the mentioned categories (excepted aircraft) however, there are high tariff peaks (from 10% of pharmaceuticals to 90% for automotive).
- Sau khi gia nhập WTO, Việt Nam thực hiện cắt giảm thuế quan đáng kể, mức thuế suất trung bình hiện tại là 9.3% (từ mức 13.7% năm 2005);
- Thuế suất đối với hầu hết các sản phẩm xuất khẩu của EU vào Việt Nam rất thấp:
 - Máy móc: 3.4%
 - Dược phẩm: 2%
 - Sắt: 2%
 - Thiết bị y tế: 1.3%
 - Máy bay: 0%
- Tuy nhiên, có một số ngoại lệ như:
 - Ô tô: 24.2%
 - Điện tử: 8.9%
- Tuy nhiên, trong tất cả các danh mục kể trên (ngoại trừ máy bay), có một số dòng thuế cao (từ 10% đối với một số dược phẩm đến 90% đối với ô tô)



The present situation: trade balance with the EU

Hiện trạng Cán cân Thương mại với EU

	2005	2006	2007	2008
Import Nhập khẩu	2597359	3144554	5143644	5581514
Export Xuất khẩu	5547339	7138204	9101351	10895815
Trade balance Thặng dư TM	2949980	3993650	3957707	5314301



The experiences from past EU FTA: what Vietnam should expect

Kinh nghiệm từ các FTA đã ký kết của EU: VN nên mong đợi điều gì?

- EU will Lower the Tariffs on Vietnam products and Vietnam will increase its exports
- Vietnam will lower its tariffs and it will benefit from cheaper imports of technology and hi-quality material from Europe
- EU will exports hi-quality services to Vietnam and Vietnamese enterprises will become more competitive in the long term
- EU will increase its investments in Vietnam
- Vietnam will be asked to improve its regulatory framework in various non-trade areas
- EU cắt giảm thuế nhập khẩu với hàng hóa của Việt Nam, nhờ đó Việt Nam tăng kim ngạch xuất khẩu
- Việt Nam cắt giảm thuế và hưởng lợi từ hàng nhập khẩu công nghệ, nguyên liệu chất lượng cao từ EU với giá rẻ hơn
- EU sẽ xuất khẩu thương mại dịch vụ chất lượng cao sang Việt Nam, xét trong dài hạn sẽ giúp tăng năng lực cạnh tranh cho các Doanh nghiệp Việt
- EU sẽ tăng đầu tư vào Việt Nam
- Việt Nam sẽ được đặt trước đòi hỏi cải thiện khung pháp lý trong nhiều lĩnh vực phi thương mại



The experience from the past: EU-Chile FTA

Kinh nghiệm quá khứ: FTA EU-Chi Lê

Product Name /Tên sản phẩm	Year Năm	Simple Average Thuế suất trung bình	Weighted Average Thuế suất Bình quân gia quyền	Standard Deviation Lệch so với chuẩn	Maximum Rate Thuế suất cao nhất
Total Trade Tổng TM	2004	4.01	1.84	5.55	57.6
Total Trade Tổng TM	2008	4.19	2.09	5.36	57.6
Agricultural SP nông nghiệp	2004	6.12	9.22	8.04	57.6
Agricultural SP Nông nghiệp	2008	6.39	9.42	8.02	57.6
Industrial SP công nghiệp	2004	3.64	1.02	4.46	26
Industrial SP công nghiệp	2008	3.84	1.12	4.37	26



The experience from the past: EU-Mexico FTA

Kinh nghiệm quá khứ: FTA EU-Mexico

Tariff Year Năm	Simple Average Thuế suất trung bình	Weighted Average Thuế suất bình quân gia quyền	Standard Deviation Lệch so với chuẩn	Minimum Rate Thuế suất thấp nhất	Maximum Rate Thuế suất cao nhất
1999	5.1	3.85	11.92	0	284.67
2008	4.24	3.03	4.85	0	74.9

The experience from the past: EU-South Africa FTA Kinh nghiệm quá khứ: FTA EU-Nam Phi

Agricultural products			Industrial products		
<i>Timeframe</i>	<i>Coverage</i>	<i>Cumulative</i>	<i>Timeframe</i>	<i>Coverage</i>	<i>Cumulative</i>
2000	21 %	21 %	2000	86 %	86 %
2000-2003	6 %	27 %	2000-2003	5 %	91 %
2000-2010	14 %	41 %	2000-2006	1 %	92 %
2003-2010	4 %	45 %	2003-2006	7 %	99 %
2005-2010	17 %	62 %	2010	1 %	100 %
2010		62%	2010		100%

Source: Lee (2002) p. 88-89

Trade	Simple Average	Weighted Average	Agricultural products	Growth
Year/Năm	Thuế suất bình quân	Thuế suất bình quân gia quyền	Sản phẩm nông nghiệp	Tăng trưởng
1999	12.11	9.91	1295520	
2000	11.21	8.89	1197819	-7.5
2005	6.69	9.68	2204385	84.0
2008	6.85	10.35	2963190	34.4

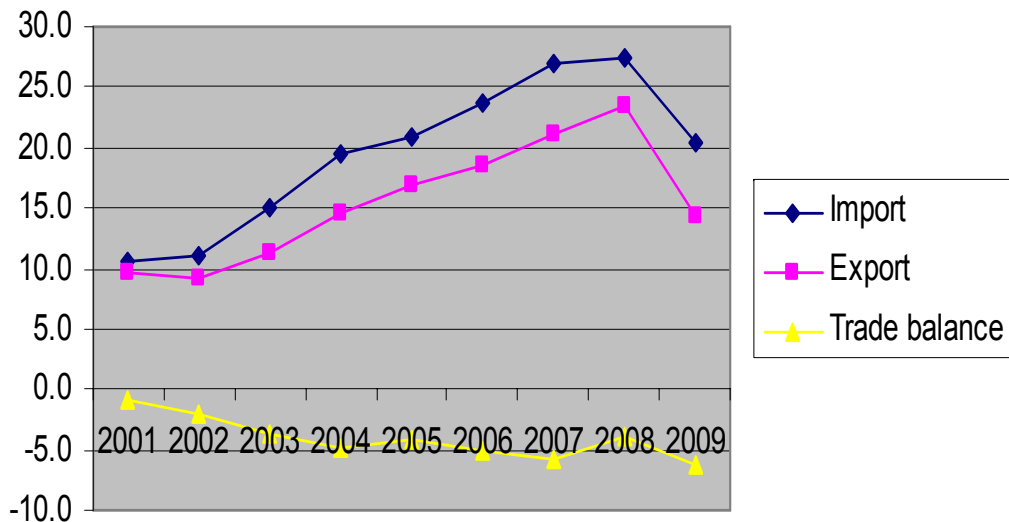
Trade	Simple Average	Weighted Average	Agricultural products	Growth
Year/Năm	Thuế suất bình quân	Thuế suất bình quân gia quyền	Sản phẩm nông nghiệp	Tăng trưởng
1999	4.22	1.37	8726282	
2000	4.04	1.15	11002500	26.1
2005	3.78	1.24	17325101	57.5
2008	3.76	1.44	28105970	62.2

The impact of selected past FTA

Tác động từ một số FTA đã ký

EU-Mexico FTA	1999	2008	Growth
Export/XK	5.2	17.2	228%
Import/NK	13.2	39.3	196%
Total trade/Tổng	18.4	46.5	207%
Trade balance Thặng dư TM	-8	-22.1	176%

EU South Africa Trade



EU-Chile FTA	Growth 2005- 2007	Growth 2002-2005
Growth rate export Tăng trưởng XK	30.77	30.66
Growth rate import/Tăng trưởng NK	9.01	18.11
Trade balance Thặng dư TM	51.14	54.00

The potential tariff advantages for Vietnam

Lợi ích tiềm tàng về Thuế quan cho VN

	Simple Average Thuế suất trung bình	Weighted Average Thuế suất bình quân gia quyền	Standard Deviation Lệch so với chuẩn	Maximum Rate Thuế suất tối thiểu
TOTAL TRADE – Tổng TM				
2006	5.04	7.39	5.5	74.9
2008	4.83	7.09	5.27	57.6

AGRICULTURAL – Sản phẩm Nông nghiệp				
2006	6.93	0.56	8.63	74.9
2008	7.11	0.57	7.96	57.6
INDUSTRIAL – Sản phẩm công nghiệp				
2006	4.84	8.27	4.71	26
2008	4.59	8.09	4.55	26

Trade Year Năm	Simple Average Thuế TB	Weighted Average Thuế BQGQ	Standard Deviation Lệch so với chuẩn	Minimum Rate Thuế suất tối thiểu	Maximum Rate Thuế suất tối đa
Art of apparel & clothing access, knitted or croc. – SP may mặc (không tính hàng đan, móc)					
2006	11.69	11.88	1.11	8	12
2008	11.69	11.85	1.09	8	12
Art of apparel & clothing access, not knitted/croc. – SP may mặc (không tính hàng đan, móc)					
2006	11.3	11.68	1.37	6.3	12
2008	11.31	11.69	1.37	6.3	12
Coffee, tea, matĩ and spices. – Cà phê, trà, gia vị					
2006	2.2	0.03	4.32	0	12.5
2008	2.22	0.05	4.14	0	12.5
Electrical machinery equip parts thereof; sound record - Sản phẩm (thành phần) điện máy, ghi âm					
2006	2.47	4.36	3.56	0	14
2008	2.75	3.48	3.29	0	14
Fish & crustacean, mollusk & other aquatic invert - Cá, giáp xác, động vật thân mềm và các loại thủy sản khác					
2006	10.92	10.13	5.69	0	23
2008	10.77	10.15	5.64	0	23
Footwear, gaiters and the like; parts of such art - Giày dép và phụ kiện tương tự					
2006	10.88	11.82	5.27	3	17
2008	10.74	12.36	5.18	3	17
Furniture – Đồ nội thất					
2006	2.1	0.62	1.9	0	5.7
2008	2.28	0.45	1.94	0	5.7



The potential tariff advantages for Vietnam: Conclusions

Lợi ích tiềm tàng về thuế cho hàng hóa Việt Nam: Kết luận

- The weighted average tariffs are higher than simple average tariffs: the main exported products from Vietnam face high tariff
- Garments, fishery and footwear might benefit of important reduction of duties
- This will provide:
 - advantages on competitive products exported to the EU from other countries (China);
 - reduce the tariffs disadvantages with others (Euro-Med Countries, least developed)
 - maintain the competitive position with other future EU FTA partners (India, Malaysia, Brazil, etc.)
 - Reduce the risk of “preference graduation”
- Mức thuế bình quân gia quyền thường cao hơn mức thuế trung bình: các sản phẩm xuất khẩu chủ chốt của Việt Nam chịu mức thuế cao
- Dệt may, thủy sản và giày dép có thể hưởng lợi từ việc cắt giảm thuế
- Điều này sẽ mang đến:
 - Lợi thế cạnh tranh đối với các sản phẩm mà hiện đang được các nước khác xuất khẩu sang EU (Trung Quốc);
 - Giảm bất lợi về thuế quan so với các nước khác (Trung Đông, kém phát triển)
 - Duy trì vị thế cạnh tranh với các đối tác FTA của EU trong tương lai (Ấn Độ, Malaysia, Brazil, ...)
 - Giảm nguy cơ “tốt nghiệp GSP”



The potential tariff advantages for Vietnam: Recommendations Lợi ích tiềm tàng về thuế cho hàng hóa Việt Nam: Khuyến nghị

- Business associations should prepare for negotiations
 - What concessions Vietnam is ready to provide in exchange of tariff reduction in the “key sectors”
 - EU will be interested in some key sector (internal discussions in Vietnam):
 - Automotive (probably Vietnam will not provide important concessions)
 - Electronics and high technology (no reasons for denying tariffs reduction)
 - Machinery (no reasons for denying tariffs reduction)
- Các Hiệp hội Ngành hàng nên chuẩn bị cho đàm phán:
 - Việt Nam sẵn sàng nhượng bộ cái gì nào để đổi lấy cam kết cắt giảm thuế quan trong lĩnh vực chủ chốt
 - EU quan tâm tới một số lĩnh vực quan trọng (nội bộ thảo luận tại Việt Nam):
 - Ngành Công nghiệp Ô tô (có lẽ Việt Nam không chấp thuận nhượng bộ mạnh)
 - Điện tử và các sản phẩm Công nghệ cao (không có lý do nào để từ chối cắt giảm thuế quan)
 - Máy móc (không có lý do nào để từ chối cắt giảm thuế quan)



The potential tariff advantages for Vietnam: Recommendations

Lợi ích tiềm tàng về thuế cho hàng hóa Việt Nam: Khuyến nghị

- Wine and spirit (why Vietnam has to maintain high tariff? Without any enforcement or control over counterfeits?)
- Processed foods, cheese, etc. (no reasons for not liberalizing)
- Pharmaceuticals (tariffs are already low)
- SERVICES: financial, telecom, maritime, health, education, distribution (the liberalization of these services will have only positive effects on Vietnam). The obstacles to liberalization are SOEs lobbies!
 - Lobby the government to speed up negotiations
 - Improve the quality of the products to satisfy the taste of EU consumers
- Rượu vang và rượu chưng cất (Tại sao Việt nam duy trì thuế cao? trong khi không có hình thức kiểm soát hay xử lý vấn đề hàng giả?)
- Thực phẩm chế biến, phô mát... (không có lý do nào để không mở cửa thị trường)
- Dược phẩm (thuế quan hiện tại đã ở mức thấp)
- DỊCH VỤ: tài chính, viễn thông, hàng hải, y tế, giáo dục, phân phối (việc tự do hóa các ngành dịch vụ này sẽ chỉ có tác động tích cực cho Việt Nam). Rào cản cho quá trình tự do hóa này chính là những vận động hành lang từ các Doanh nghiệp Nhà nước.
 - Vận động chính sách để chính phủ tăng tốc đàm phán
 - Cải thiện chất lượng sản phẩm đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng EU



What does the EU expect from an FTA with Vietnam?

EU kỳ vọng gì từ FTA với Việt Nam?

- The EU has different reasons to conclude an FTA with Vietnam
 - Increase exports to Vietnam (what sectors?)
 - Increase investments to Vietnam to target ASEAN and other countries (Japan, China, India)
 - Increase market access to EU services providers and Investors
 - Ensuring the respect of Intellectual Property Rights
 - Promote non economic policy objectives (environment, social rights) with Vietnam: why?
- EU có những lý do khác nhau để ký kết FTA với Việt Nam
 - Đẩy mạnh xuất khẩu vào Việt Nam (lĩnh vực nào?)
 - Thúc đẩy đầu tư vào Việt Nam hướng mục tiêu tới ASEAN và các quốc gia Châu Á khác (Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ)
 - Tạo thêm cơ hội tiếp cận thị trường cho các nhà đầu tư và cung cấp dịch vụ của EU
 - Đảm bảo việc tôn trọng các quyền sở hữu trí tuệ
 - Thúc đẩy các mục tiêu chính sách phi kinh tế (môi trường, các quyền xã hội) tại Việt Nam: Tại sao?



The content of the future FTA: the “Global Europe” Strategy

Nội dung Dự thảo Hiệp định: Chiến lược “Châu Âu Toàn Cầu”

- The new trade and foreign economic policy strategy of the EU was spelled out in 2006 in the communication of the European Commission “*Global Europe – Competing in the World*”
- This strategy envisaged the conclusion of ambitious FTAs in terms of depth of commitments and content, with strategic commercial partners.
- The EU begun negotiations with South Korea (the FTA is officially signed), MERCOSUR, Canada, CARIFORUM, Caricom
- Chiến lược chính sách kinh tế đối ngoại mới của EU được thông qua năm 2006 trên công báo của Ủy ban Châu Âu với sáng kiến có tên: “Châu Âu Toàn Cầu - Cạnh tranh trên Thế giới” (“Global Europe – Competing in the World”)
- Chiến lược này dự kiến ký kết những FTA đầy tham vọng về mức độ cam kết sâu và phạm vi cam kết với các đối tác kinh tế chiến lược.
- EU đã tiến hành đàm phán với Hàn Quốc (FTA đã chính thức được ký kết), MERCOSUR, Canada, CARIFORUM, Caricom



The content of the future FTA: EU and ASEAN past negotiations

Nội dung Dự thảo Hiệp định: Các đàm phán trước đây của EU và ASEAN

- In 2007 the EU began the negotiations with ASEAN. Negotiations between the EU and ASEAN were intended to take place on a region-to-region approach. As progress in the EU-ASEAN negotiations was slow, both sides agreed in March 2009 to suspend the negotiations.
- Năm 2007 EU bắt đầu các cuộc đàm phán với ASEAN. Đàm phán giữa EU và ASEAN dự kiến diễn ra theo cấp khu vực – khu vực. Do tiến độ đàm phán rất chậm, tháng 3/2009, hai bên đã thống nhất tạm hoãn đàm phán này.
- On 22 December 2009, the EU Commission announced that EU Member States authorized the EU Commission to pursue negotiations towards FTAs with individual ASEAN countries.
- Ngày 22/12/2009 Ủy ban EU thông báo rằng các quốc gia thành viên EU đã ủy quyền cho Ủy ban EU theo đuổi đàm phán FTA với từng quốc gia thành viên ASEAN.
- The EU is currently planning the negotiations with:
 - Vietnam, Singapore, Thailand, Malaysia, Philippines and Indonesia
- EU hiện tại đang lên kế hoạch đàm phán với:
 - Việt Nam, Singapore, Thái Lan, Malaysia, Philippines và Indonesia



The content of the future FTA

Nội dung dự kiến của Hiệp định

- In terms of content, *Global Europe's* goal is to have strong, comprehensive, “WTO-plus” FTAs. The FTA will cover trade in goods, services, investment, government procurement, IPR, Environment, Competition and Social Issues
- In trade in Goods, Tariffs and quantitative restrictions should be eliminated. Presumably, this should apply to at least 90-95 per cent of tariff lines. Rules of origin (ROO) should be simplified.
- There should be strong regulatory disciplines and regulatory cooperation, especially to tackle non-tariff barriers. This should involve improved transparency obligations, mutual recognition agreements, regulatory harmonization, regulatory dialogues and technical assistance
- Về phạm vi, mục tiêu của sáng kiến “Châu Âu Toàn cầu” Global Europe là có được những FTA “WTO +” toàn diện và mạnh mẽ. Hiệp định sẽ bao gồm vấn đề thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, mua sắm công, quyền sở hữu trí tuệ, môi trường, các vấn đề cạnh tranh và xã hội
- Trong thương mại hàng hóa, thuế quan và các biện pháp hạn chế số lượng cần phải được loại bỏ. Điều này nên áp dụng cho ít nhất 90 – 95% dòng thuế. Các quy định về quy tắc xuất xứ cũng cần đơn giản hóa.
- Cần có hệ thống quy định chặt và những hợp tác về mặt pháp lý, đặc biệt trong giải quyết rào cản phi thuế quan. Điều này liên quan đến trách nhiệm cải thiện vấn đề minh bạch hóa, thỏa thuận công nhận lẫn nhau, hài hòa hóa các quy định, đối thoại pháp lý và hỗ trợ kỹ thuật.



The content of the future FTA

Nội dung dự kiến của Hiệp định

- There should be “far-reaching” liberalisation of services and investment. Services will cover horizontal regulations (GATS type) as well as specific chapters for Financial Services, Telecom, Maritime Transport, Logistic.
- A model EU investment agreement, developed in coordination with EU member-states, is envisaged. The EU will require strong regulations to promote investment and to protect investors
- There should be provisions going beyond WTO disciplines on competition, government procurement, intellectual property rights (IPR) and trade facilitation.
- There should also be provisions on labour and environmental standards.
- Tự do hóa hơn nữa lĩnh vực dịch vụ và đầu tư. Dịch vụ sẽ bao gồm các quy định ngang (như GATS) cũng như các chương quy định cụ thể cho Dịch vụ Tài chính, Viễn thông, Hàng Hải, Logistics.
- Dự kiến đưa ra một hiệp định đầu tư mẫu của EU (được soạn thảo trên cơ sở tham vấn các nước thành viên EU). EU sẽ yêu cầu quy định đủ mạnh để thúc đẩy đầu tư và bảo vệ nhà đầu tư
- Nên có những quy định mạnh hơn yêu cầu của WTO về các vấn đề cạnh tranh, mua sắm công, các quyền sở hữu trí tuệ và thuận lợi hóa thương mại
- Cần có những điều khoản quy định về tiêu chuẩn môi trường và lao động.

	EU - Korea	EU - Chile	EU – Col/Peru	EU - CARIFORUM
Trade in Goods Thương mại hàng hóa	YES Có	YES Có	YES Có	YES Có
Trade Remedies Phòng vệ thương mại	YES Có	NO Không	YES Có	NO Không
Technical Barriers to Trade Rào cản kỹ thuật đối với TM	YES Có	NO Không	YES Có	YES Có
Sanitary and Phytosanitary Measures Các biện pháp Vệ sinh Dịch tễ	YES Có	NO Không	YES Có	YES Có
Customs and Trade Facilitation Hải quan và Thuận lợi hóa TM	YES Có	NO Không	YES Có	YES Có
Trade in Services and Investment Thương mại dịch vụ và Đầu tư	YES Có	Only trade in service and Establishment Chỉ bao gồm TMDV và thành lập DN	YES Có	YES Có
Payment and Capital Movement Thanh toán và chuyển vốn	YES Có	YES Có	YES Có	YES Có
Government Procurement Mua sắm công	YES Có	NO Không	YES Có	YES Có
Intellectual Property Quyền sở hữu trí tuệ	YES Có	NO Không	YES Có	YES Có
Competition Cạnh tranh	YES Có	YES Có	YES Có	YES Có
Transparency Minh bạch hóa	YES Có	YES Có	YES Có	YES Có
Sustainable Development Phát triển bền vững	YES Có	NO Không	YES Có	YES Có
Dispute Settlement Giải quyết tranh chấp	YES Có	YES Có	YES Có	YES Có



Recommendations for business

Một số khuyến nghị cho Doanh nghiệp

- Some products exported to EU face difficulties in benefiting from GSP: focus on rules of origin before negotiations (MUTRAP has an activity)
- Tariff reduction are not enough: Vietnam should “capture” higher value added?
 - Distribution channels in EU
 - Creation of a national brand
 - Point to environmental and social friendly productions (EU consumers)
- Anticipate the modifications brought about the EU FTA agreements (workers, IPRs, etc.)
- More emphasis on promoting export and less to fight against import! Import are not minus!!!
- Một số sản phẩm xuất khẩu sang EU gặp khó khăn trong vấn đề cho hưởng thuế GSP: tập trung vào quy tắc xuất xứ trước các cuộc đàm phán (MUTRAP đang có một hoạt động)
- Cắt giảm thuế quan là chưa đủ: Việt Nam cần nắm bắt các giá trị gia tăng cao hơn?
 - Các kênh phân phối tại EU
 - Xây dựng thương hiệu quốc gia
 - Hướng đến sản xuất thân thiện với môi trường và xã hội (người tiêu dùng EU)
- Dự đoán những thay đổi từ FTA với EU (nhân công, quyền sở hữu trí tuệ...)
- Nhấn mạnh hơn vấn đề xúc tiến xuất khẩu và giảm việc chống nhập khẩu! Nhập khẩu không phải là “cái mất”!